

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI GIỮA HỌC KÌ II LỚP 4	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	16
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	18
ĐỀ SỐ 3 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	7	20
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	21
ĐỀ SỐ 5 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	11	23
ĐỀ SỐ 6 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	13	25



A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng.

Câu 1. Phân số “sáu phần năm” được viết là:

- A. $\frac{6}{5}$. B. $\frac{5}{6}$. C. $\frac{5}{11}$. D. $\frac{6}{11}$.

Câu 2. Một lớp học có 18 học sinh nữ và 12 học sinh nam. Hỏi số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần số học sinh cả lớp?

- A. $\frac{2}{5}$. B. $\frac{2}{3}$. C. $\frac{3}{5}$. D. $\frac{3}{2}$.

Câu 3. Trong các phân số sau, có bao nhiêu phân số bé hơn 1?

$$\frac{13}{14}, \frac{0}{12}, \frac{12}{11}, \frac{15}{15}, \frac{9}{14}, \frac{12}{7}$$

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 4. Chọn đáp án thích hợp để thay vào dấu “?”: $3 \text{ m}^2 5 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots? \dots\dots\dots \text{cm}^2$

- A. 35. B. 305. C. 3005. D. 30 005.

Câu 5. Diện tích mặt bàn học sinh khoảng:

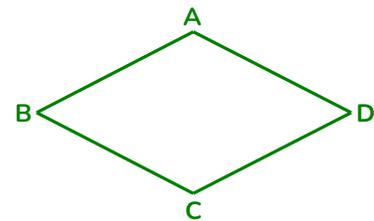
- A. 48 mm^2 . B. 48 cm^2 .
C. 48 dm^2 . D. 48 m^2 .



Câu 6. Cho hình thoi ABCD:

Nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. AB không song song với DC.
B. AB vuông góc với AD.
C. Chỉ có một cặp cạnh đối diện song song là AB và CD.
D. $AB = BC = CD = DA$.

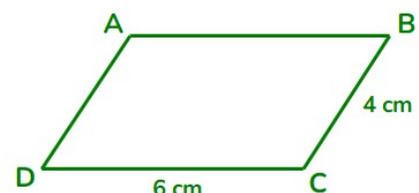


Câu 7. Bác thợ mộc làm một hộp gỗ hết $\frac{3}{5}$ giờ, làm một khay gỗ hết $\frac{1}{5}$ giờ. Thời gian bác làm một hộp gỗ nhiều hơn một khay gỗ là:

- A. $\frac{1}{5}$ giờ. B. $\frac{2}{5}$ giờ. C. $\frac{3}{5}$ giờ. D. $\frac{4}{5}$ giờ.

Câu 8. Chu vi hình bình hành ABCD trong hình vẽ bên là:

- A. 10 cm. B. 12 cm.
C. 20 cm. D. 24 cm.



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền dấu “>, <, =” thích hợp vào ô trống:

a) $1 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2$ 15 dm^2

b) 12 000 mm^2 120 cm^2

c) 2 034 dm^2 $200 \text{ m}^2 34 \text{ dm}^2$

d) 1 m^2 10 000 cm^2

Bài 2.

1) Thực hiện phép tính: $\frac{9}{10} - \left(\frac{2}{5} + \frac{3}{10} \right) + \frac{7}{20}$

2) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm:

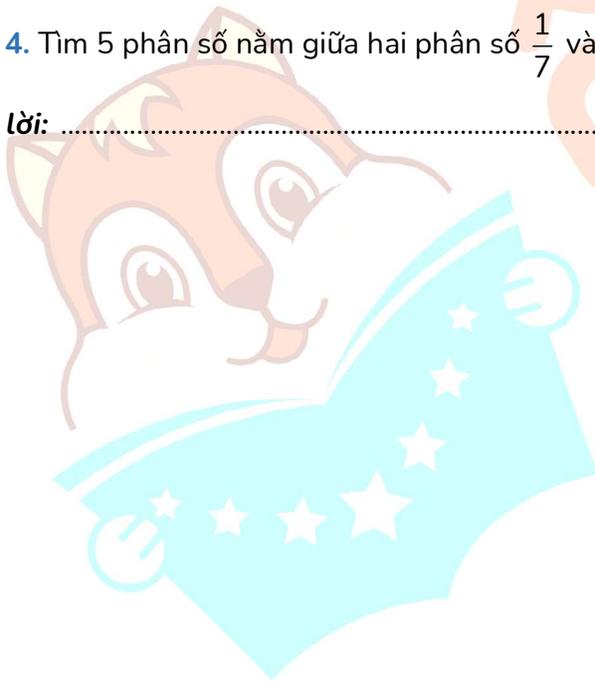
a) - $\frac{4}{9} = \frac{1}{9}$

b) $\frac{2}{8} + \text{.....} = \frac{5}{8}$

Bài 3. Một hình chữ nhật có nửa chu vi là $\frac{47}{2}$ cm. Nếu chiều dài bớt đi $\frac{11}{2}$ cm thì sẽ được chiều rộng. Tính chiều rộng của hình chữ nhật đó.

Bài 4. Tìm 5 phân số nằm giữa hai phân số $\frac{1}{7}$ và $\frac{1}{6}$.

Trả lời:



ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng.

Câu 1. Phân số có tử số bé hơn mẫu số là phân số:

- A. lớn hơn 1. B. bé hơn 1. C. bằng 1. D. bằng 2.

Câu 2. Trong các phân số dưới đây, phân số bằng phân số $\frac{5}{6}$ là:

- A. $\frac{10}{12}$. B. $\frac{10}{6}$. C. $\frac{5}{12}$. D. $\frac{10}{18}$.

Câu 3. Tìm phân số biểu diễn số cốc trà sữa socola so với tổng số cốc trà sữa trong hình vẽ dưới đây.



- A. $\frac{3}{5}$. B. $\frac{11}{25}$. C. $\frac{2}{5}$. D. $\frac{2}{25}$.

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $2m^213cm^2 = \dots\dots\dots cm^2$

- A. 213. B. 2013. C. 20 013. D. 20 130.

Câu 5. Mẫu số chung của hai phân số $\frac{4}{7}$ và $\frac{1}{8}$ là:

- A. 15. B. 56. C. 1. D. 39.

Câu 6. Hình bình hành là hình

- A. Có 4 góc vuông.
B. Có 4 cạnh bằng nhau.
C. Có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.
D. Có 4 góc vuông và có hai cặp cạnh đối diện bằng nhau.

Câu 7. So sánh hai phân số: $\frac{10}{10}$ và $\frac{100}{100}$

- A. =. B. >. C. <.

Câu 8. Một siêu thị có 1428kg trái cây. Ngày thứ nhất siêu thị đã bán $\frac{3}{7}$ số trái cây, ngày thứ hai siêu thị bán $\frac{1}{6}$ số trái cây đó. Hỏi sau 2 ngày, siêu thị còn lại bao nhiêu ki-lô-gam trái cây?



- A. 612kg. B. 238kg. C. 578kg. D. 850kg.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền dấu “> ; < ; =” thích hợp vào chỗ chấm:

$\frac{45}{37}$ $\frac{23}{37}$ $\frac{56}{123}$ 1 $\frac{4}{13}$ $\frac{4}{23}$ $\frac{10}{15}$ $\frac{2}{3}$ $\frac{167}{19}$ 1

Bài 2. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{1}{2} + \frac{3}{5}$ b) $\frac{13}{26} - \frac{1}{4}$ c) $\frac{3}{7} + \frac{8}{15} + \frac{4}{7} + \frac{7}{15}$

Bài 3. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng là 12 m và chiều dài bằng $\frac{10}{3}$ chiều rộng. Trên thửa ruộng bác nông dân trồng ngô. Cứ $40m^2$ thu được 20 tạ ngô. Hỏi trên thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tấn ngô?

Bài 4. Có bao nhiêu phân số nhỏ hơn 1 có tổng của tử số và mẫu số bằng 10 (tử số khác 0)?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng.

Câu 1. Mai có 9 chiếc vòng gồm 3 chiếc màu vàng, 2 chiếc màu trắng và 4 chiếc màu hồng. Phân số chỉ số phần chiếc vòng màu hồng trong tổng số chiếc vòng của Mai là:

- A. $\frac{3}{4}$. B. $\frac{4}{9}$. C. $\frac{2}{3}$. D. $\frac{3}{9}$.

Câu 2. Trong các cặp phân số dưới đây, cặp phân số nào bằng nhau?

- A. $\frac{6}{5}$ và $\frac{5}{6}$. B. $\frac{4}{5}$ và $\frac{5}{6}$. C. $\frac{4}{5}$ và $\frac{16}{20}$. D. $\frac{6}{5}$ và $\frac{18}{20}$.

Câu 3. Cho: $\times 90 = 34\ 100 + 23\ 500$

Số thích hợp để điền vào ô trống là:

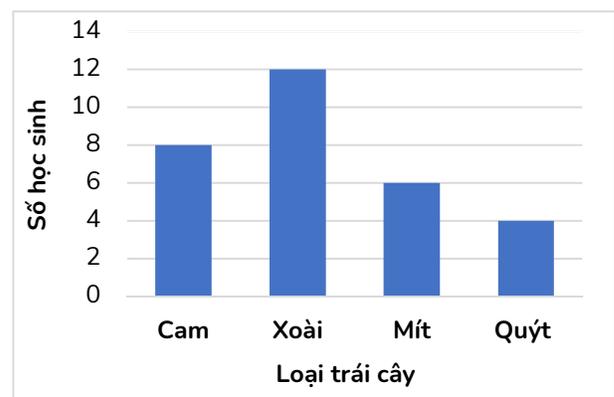
- A. 64. B. 6 400. C. 6 040. D. 640.

Câu 4. Có 4 chiếc can đựng dầu lần lượt là: 46 lít; 40 lít; 38 lít; 44 lít. Trung bình mỗi can đựng số lít dầu là:

- A. 44 lít dầu. B. 43 lít dầu. C. 42 lít dầu. D. 41 lít dầu.

Câu 5. Biểu đồ bên cho biết thông tin về các loại trái cây yêu thích của tất cả các bạn học sinh lớp 4A. Hỏi lớp 4A có tất cả bao nhiêu học sinh? Biết rằng, mỗi bạn chỉ chọn 1 loại trái cây.

- A. 34 học sinh. B. 30 học sinh.
C. 32 học sinh. D. 36 học sinh.



Câu 6. 2 ki-lô-gam gạo tẻ giá 84 000 đồng. Hỏi nếu mua 3 kg gạo tẻ như thế thì hết bao nhiêu tiền?

- A. 42 000 đồng. B. 84 000 đồng.

C. 126 000 đồng.

D. 252 000 đồng.

Câu 7. Cho hai biểu thức: $M = 6 \times 32 + 6 \times 68$ và $N = 6 \times (32 + 68)$.

Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $M = N$.B. $M > N$.C. $M < N$.

D. Không thể so sánh được.

Câu 8. Một lồng quay xổ số có chứa 10 quả bóng có cùng kích thước được đánh số từ 0 đến 9. Sau mỗi lần quay chỉ có đúng một quả bóng lọt xuống lỗ. Sau khi ghi lại số của quả bóng này, bóng được trả lại lồng để thực hiện lần quay tiếp theo. Có bao nhiêu khả năng có thể xảy ra trong mỗi lần quay?



A. 7.

B. 8.

C. 9.

D. 10.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $186\ 954 + 247\ 436$

b) $839\ 084 - 246\ 937$

c) 428×39

d) $4\ 928 : 44$

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $25 \times 12 \times 30 \times 4$

b) $248 \times 2005 - 2005 \times 148$

Bài 3. Biết rằng trung bình cân nặng của ba bạn Hoàng, An và Nam là 33 kg, trong đó bạn Hoàng cân nặng 35 kg, bạn An cân nặng 31 kg. Hỏi bạn Nam cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài 4. Mua 5 chiếc bút xanh và 3 chiếc bút đỏ hết 19 000 đồng. Số tiền mua 5 chiếc bút xanh nhiều hơn 2 chiếc bút đỏ là 4 000 đồng. Tính giá tiền 1 chiếc bút đỏ.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Tìm phân số biểu diễn số cốc trà sữa Xoài so với tổng số cốc trà sữa trong hình vẽ dưới đây:



- A. $\frac{10}{25}$ B. $\frac{9}{25}$ C. $\frac{6}{25}$ D. $\frac{15}{25}$

Câu 2. Trong các phép tính sau, phép tính nào có kết quả bé nhất?

- A. 2500×6 B. $36\ 000 : 60$ C. 2300×9 D. $72\ 505 : 5$

Câu 3. Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{7}{8}$ và $\frac{9}{4}$ ta được hai phân số nào dưới đây?

- A. $\frac{7}{8}$ và $\frac{18}{8}$ B. $\frac{7}{8}$ và $\frac{9}{8}$ C. $\frac{7}{4}$ và $\frac{9}{4}$ D. $\frac{63}{72}$ và $\frac{63}{28}$

Câu 4. Mua 35 quả trứng giống nhau hết 105 000 đồng. Vậy cần số tiền để mua được 83 quả trứng như thế là:

- A. 249 000 đồng B. 250 000 đồng
C. 251 000 đồng D. 252 000 đồng

Câu 5. Giá trị của a trong biểu thức $85 \times (a + 20) = 85 \times 65 + 85 \times 35$ là:

- A. 100 B. 20 C. 80 D. 60

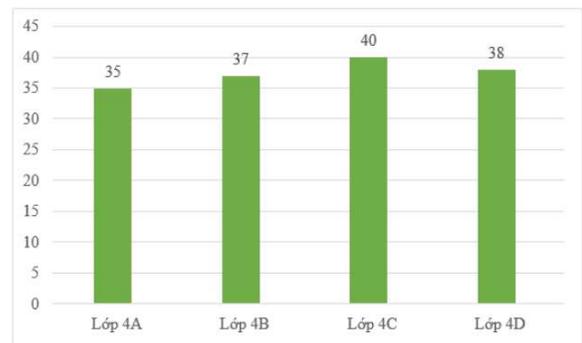
Câu 6. Tung một đồng xu 5 lần liên tiếp trong đó có 3 lần xuất hiện mặt ngửa. Vậy số lần xuất hiện mặt sấp là:

- A. 2 lần B. 3 lần C. 5 lần D. 8 lần

Câu 7. Biểu đồ dưới đây cho biết số cây khối lớp 4 trồng được:

Theo thứ tự từ bé đến lớn, số cây các lớp khối 4 trồng được là:

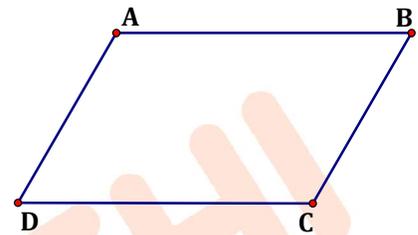
- A. 35; 36; 38; 40
- B. 35; 37; 38; 40
- C. 35; 38; 40; 37
- D. 35; 36; 37; 38



Câu 8. Đúng ghi Đ, sai ghi S.

Trong hình bình hành ABCD:

- a) AB song song với CD
- b) AB vuông góc với CD
- c) AB = DC và AD = BC
- d) AB = BC = CD = DA



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $239\ 567 + 221\ 089$
- b) $967\ 809 - 543\ 765$
- c) 438×34
- d) $31\ 465 : 35$

Bài 2.

1) Tìm y, biết:

- a) $y : 4560 = 45$
- b) $222\ 222 : y = 111$

2) Tính giá trị của biểu thức sau:

- a) $45\ 000 : 100 + 45 \times 10$
- b) $345 \times 101 - 345$

Bài 3. Có 372 quyển sách xếp đều vào 2 tủ, mỗi tủ có 3 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách? Biết mỗi ngăn có số sách như nhau.



Bài 4. Lập được bao nhiêu phân số có tổng tử số và mẫu số bằng 20. Đó là những phân số nào?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 5

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

$\times 100 = 18\ 600.$

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ trống

Bạn Nam chơi xếp hình. Bạn xếp hai mảnh ghép hình vuông lại với nhau thành một hình chữ nhật. Biết mỗi cạnh hình vuông có độ dài là 1cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.



Diện tích của hình chữ nhật đó là:mm².

Câu 3. Trên Trái Đất, các nhà khoa học đã nhận biết được 1 770 300 loài sinh vật. Trong đó, có 4200 loài động vật có vú và 9000 loài chim, 5100 loài động vật bò sát, 31 000 loài động vật lưỡng cư, 21 000 loài cá, 1 300 000 loài động vật không có xương sống, 250 000 loài thực vật bậc cao, 150 000 loài thực vật bậc thấp. Hỏi loài sinh vật nào có số lượng nhiều nhất?



- A. Động vật bò sát.
- B. Động vật không có xương sống.
- C. Thực vật bậc cao.
- D. Thực vật bậc thấp.

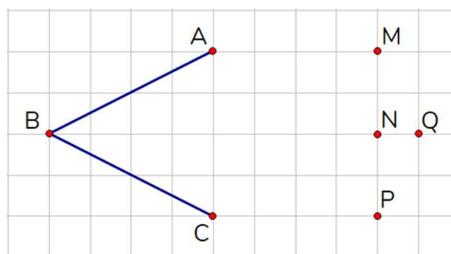
Câu 4. Một đội sản xuất trung bình mỗi tháng sản xuất được 4500 sản phẩm. Trong một năm, đội đó sản xuất được số sản phẩm là:

- A. 45 000 sản phẩm.
- B. 118 000 sản phẩm.
- C. 90 000 sản phẩm.
- D. 54 000 sản phẩm.

Câu 5. Viết các số thích hợp vào chỗ chấm:

$(a + 97) + 3 = a + (97 + \dots) = a + \dots$

Câu 6. Nối 4 điểm nào để được 1 hình thoi?



- A. Bốn điểm A, B, C, P.
- B. Bốn điểm A, B, C, Q.
- C. Bốn điểm A, B, C, N.
- D. Bốn điểm A, B, C, M.

Câu 7. Một cửa hàng có 4000 viên bi, số bi đó được chia vào các hộp, mỗi hộp chứa 80 viên bi. Hỏi cần tất cả bao nhiêu hộp như thế để chứa hết số viên bi đó?

- A. 500 hộp. B. 60 hộp. C. 40 hộp. D. 50 hộp.

Câu 8. Một người viết liên tiếp nhóm chữ cái **VUIHOCTOAN VUIHOCTOAN...** Tô màu lần lượt các chữ cái bằng 6 màu Đỏ, Cam, Vàng, Lục, Lam, Tím. Hỏi chữ V thứ 150 được tô màu gì?

- A. Màu đỏ. B. Màu vàng. C. Màu lam. D. Màu tím.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $579\ 108 + 225\ 956$

b) $4\ 358\ 179 - 429\ 085$

c) 372×36

d) $16\ 325 : 27$

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $1602 : 3 + 1398 : 3$;

b) $(2024 \times 99 + 2024) - (2023 \times 101 - 2023)$.

Bài 3. Vườn trường Hạnh phúc dạng hình chữ nhật có chu vi là 166m và chiều rộng kém chiều dài 13m.

a) Tính diện tích của vườn trường.

b) Trên đó người ta trồng rau cải xanh, cứ mỗi mét vuông thu hoạch được 5kg rau cải xanh.

Hỏi trên cả vườn trường đó thu hoạch được bao nhiêu tạ rau cải xanh?

Bài 4. Khi nhân một số tự nhiên với 25, do lúng túng, bạn Lan đã viết nhầm thêm chữ số 3 vào bên phải thừa số 25 nên đã làm cho kết quả tăng 32 376 đơn vị. Em hãy giúp bạn tìm tích đúng của phép nhân đó.

Trả lời:

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $345\,982 + 72\,116$

b) $627\,302 - 120\,168$

c) $42\,219 \times 15$

d) $45\,540 : 36$

Bài 2. a) Tính bằng cách thuận tiện: $87 \times 16\,257 - 6\,256 \times 87 - 87$

b) Tìm x, biết: $17\,789 - 10 \times x = 789$

Bài 3. Lan đi bộ vòng quanh sân vận động hình chữ nhật hết 15 phút, mỗi phút đi được 36m. Biết chiều dài sân vận động hơn chiều rộng là 24m. Tính diện tích của sân vận động.

Bài 4. Ở một bến cảng có ba con tàu A, B, C. Tàu A cứ 3 ngày cập bến 1 lần, tàu B là 4 ngày cập bến 1 lần, tàu C là 5 ngày. Nếu một hôm nào đó cả ba tàu cùng cập bến thì hỏi sau bao nhiêu ngày ba tàu lại cùng cập bến.



Trả lời:



B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	B	D	C	D	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào ô trống:

a) $1\text{ m}^2 5\text{ dm}^2$ 15 dm^2

b) $12\ 000\text{ mm}^2$ 120 cm^2

c) $2\ 034\text{ dm}^2$ $200\text{ m}^2 34\text{ dm}^2$

d) 1 m^2 $10\ 000\text{ cm}^2$

Lời giải

a) $1\text{ m}^2 5\text{ dm}^2$ 15 dm^2

b) $12\ 000\text{ mm}^2$ 120 cm^2

c) $2\ 034\text{ dm}^2$ $200\text{ m}^2 34\text{ dm}^2$

d) 1 m^2 10000 cm^2

Bài 2 (1,5 điểm).

1) Thực hiện phép tính: $\frac{9}{10} - \left(\frac{2}{5} + \frac{3}{10}\right) + \frac{7}{20}$

2) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $-\frac{4}{9} = \frac{1}{9}$

b) $\frac{2}{8} + \dots = \frac{5}{8}$

Lời giải

1) Thực hiện phép tính:

$$\frac{9}{10} - \left(\frac{2}{5} + \frac{3}{10}\right) + \frac{7}{20} = \frac{9}{10} - \left(\frac{4}{10} + \frac{3}{10}\right) + \frac{7}{20} = \frac{9}{10} - \frac{7}{10} + \frac{7}{20} = \frac{2}{10} + \frac{7}{20} = \frac{4}{20} + \frac{7}{20} = \frac{11}{20}$$

2) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{1}{9} + \frac{4}{9} = \frac{5}{9}$

Phân số cần điền vào chỗ chấm là: $\frac{5}{9}$

b) $\frac{5}{8} - \frac{2}{8} = \frac{3}{8}$

Phân số cần điền vào chỗ chấm là: $\frac{3}{8}$

Bài 3 (2 điểm). Một hình chữ nhật có nửa chu vi là $\frac{47}{2}$ cm. Nếu chiều dài bớt đi $\frac{11}{2}$ cm thì sẽ được chiều rộng. Tính chiều rộng của hình chữ nhật đó.

Lời giải

Vì chiều dài bớt đi $\frac{11}{2}$ cm thì sẽ được chiều rộng nên chiều dài hơn chiều rộng là $\frac{11}{2}$ cm.

Chiều rộng của hình chữ nhật là: $\left(\frac{47}{2} - \frac{11}{2}\right) : 2 = 9$ (cm)

Đáp số: 9 cm

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm 5 phân số nằm giữa hai phân số $\frac{1}{7}$ và $\frac{1}{6}$.

Lời giải

Trả lời: Các phân số thoả mãn là $\frac{6}{37}; \frac{6}{38}; \frac{6}{39}; \frac{6}{40}; \frac{6}{41}$ (Học sinh có thể có những đáp án khác)

Ta có:

$$\frac{1}{7} = \frac{1 \times 6}{7 \times 6} = \frac{6}{42}$$

$$\frac{1}{6} = \frac{1 \times 6}{6 \times 6} = \frac{6}{36}$$

5 phân số nằm giữa $\frac{6}{42}$ và $\frac{6}{36}$ là: $\frac{6}{37}; \frac{6}{38}; \frac{6}{39}; \frac{6}{40}; \frac{6}{41}$

Vậy 5 phân số nằm giữa $\frac{1}{7}$ và $\frac{1}{6}$ là: $\frac{6}{37}; \frac{6}{38}; \frac{6}{39}; \frac{6}{40}; \frac{6}{41}$.

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	C	B	C	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm) Điền dấu ">; <; =" thích hợp vào chỗ chấm:

$$\frac{45}{37} \dots\dots\dots \frac{23}{37} \qquad \frac{56}{123} \dots\dots\dots 1 \qquad \frac{4}{13} \dots\dots\dots \frac{4}{23} \qquad \frac{10}{15} \dots\dots\dots \frac{2}{3} \qquad \frac{167}{19} \dots\dots\dots 1$$

Lời giải

$$\frac{45}{37} > \frac{23}{37} \qquad \frac{56}{123} < 1 \qquad \frac{4}{13} > \frac{4}{23} \qquad \frac{10}{15} = \frac{2}{3} \qquad \frac{167}{19} > 1$$

Bài 2. (1.5 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{1}{2} + \frac{3}{5}$ b) $\frac{13}{26} - \frac{1}{4}$ c) $\frac{3}{7} + \frac{8}{15} + \frac{4}{7} + \frac{7}{15}$

Lời giải

a) $\frac{1}{2} + \frac{3}{5} = \frac{5}{10} + \frac{6}{10} = \frac{11}{10}$
 b) $\frac{13}{26} - \frac{1}{4} = \frac{1}{2} - \frac{1}{4} = \frac{2}{4} - \frac{1}{4} = \frac{1}{4}$
 c) $\frac{3}{7} + \frac{8}{15} + \frac{4}{7} + \frac{7}{15} = \left(\frac{3}{7} + \frac{4}{7}\right) + \left(\frac{8}{15} + \frac{7}{15}\right) = \frac{7}{7} + \frac{15}{15} = 1 + 1 = 2$

Bài 3. (2 điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng là 12 m và chiều dài bằng $\frac{10}{3}$ chiều rộng. Trên thửa ruộng bác nông dân trồng ngô. Cứ $40m^2$ thu được 20 tạ ngô. Hỏi trên thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tấn ngô?

Lời giải

Chiều dài thửa ruộng là: $12 \times \frac{10}{3} = 40$ (m)

Diện tích thửa ruộng là: $12 \times 40 = 480$ (m²)

Tổng số tạ khoai thu được là: $480 : 40 \times 20 = 240$ (tạ) = 24 tấn

Đáp số: 24 tấn

Bài 4. (0,5 điểm) Có bao nhiêu phân số nhỏ hơn 1 có tổng của tử số và mẫu số bằng 10 (tử số khác 0)?

Trả lời:

Lời giải

Ta thấy: $10 = 1 + 9 = 2 + 8 = 3 + 7 = 4 + 6 = 5 + 5$

Các phân số nhỏ hơn 1 có tổng của tử số và mẫu số bằng 10 đó là các phân số có tử số nhỏ hơn

mẫu số như sau: $\frac{1}{9}; \frac{2}{8}; \frac{3}{7}; \frac{4}{6}$.

Vậy có **4** phân số nhỏ hơn 1 có tổng của tử số và mẫu số bằng 10 (tử số khác 0).



ON THI
123

ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	C	B	C	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) $186\ 954 + 247\ 436$

b) $839\ 084 - 246\ 937$

c) 428×39

d) $4\ 928 : 44$

Lời giải

a) $186\ 954 + 247\ 436 = 434\ 390$

b) $839\ 084 - 246\ 937 = 592\ 147$

c) $428 \times 39 = 16\ 692$

d) $4\ 928 : 44 = 112$

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2 (1,5 điểm). Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $25 \times 12 \times 30 \times 4$

b) $248 \times 2005 - 2005 \times 148$

Lời giải

a) $25 \times 12 \times 30 \times 4 = (25 \times 4) \times (12 \times 30) = 100 \times 360 = 36\ 000$

b) $248 \times 2005 - 2005 \times 148 = 2005 \times (248 - 148) = 2005 \times 100 = 200\ 500$

Bài 3 (2 điểm). Biết rằng trung bình cân nặng của ba bạn Hoàng, An và Nam là 33 kg, trong đó bạn Hoàng cân nặng 35 kg, bạn An cân nặng 31 kg. Hỏi bạn Nam cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Lời giải

Tổng cân nặng của ba bạn Hoàng, An và Nam là: $33 \times 3 = 99$ (kg)

Cân nặng của bạn Nam là: $99 - 35 - 31 = 33$ (kg)

Đáp số: 33 kg

Bài 4 (0,5 điểm). Mua 5 bút xanh và 3 bút đỏ hết 19 000 đồng. Số tiền mua 5 bút xanh nhiều hơn 2 bút đỏ là 4 000 đồng. Tính giá tiền 1 bút đỏ.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: 3 000 đồng

Giá tiền của 5 bút đỏ là: $19\ 000 - 4\ 000 = 15\ 000$ (đồng)

Giá tiền của 1 bút đỏ là: $15\ 000 : 5 = 3\ 000$ (đồng)

Đáp số: 3 000 đồng

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	A	A	C	A	B	Đ - S - Đ - S

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $239\ 567 + 221\ 089$

b) $967\ 809 - 543\ 765$

c) 438×34

d) $31\ 465 : 35$

Lời giải

a) $239\ 567 + 221\ 089 = 460\ 656$

b) $967\ 809 - 543\ 765 = 424\ 044$

c) $438 \times 34 = 14\ 892$

d) $31\ 465 : 35 = 899$

Bài 2. (2 điểm)

1) Tìm y , biết:

a) $y : 4560 = 45$

b) $222\ 222 : y = 111$

Lời giải

a) $y : 4560 = 45$

b) $222\ 222 : y = 111$

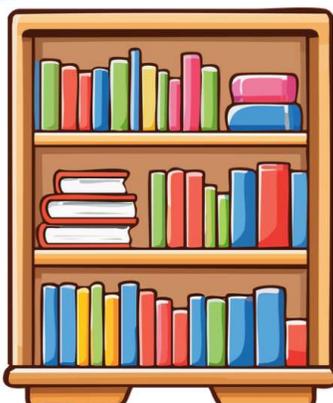
$y = 45 \times 4560$

$y = 222\ 222 : 111$

$y = 205\ 200$

$y = 2002$

Bài 3. (1.5 điểm) Có 372 quyển sách xếp đều vào 2 tủ, mỗi tủ có 3 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách? Biết mỗi ngăn có số sách như nhau.



Lời giải

Mỗi tủ có số quyển sách là: $372 : 2 = 186$ (quyển sách)

Mỗi ngăn có số sách là: $186 : 3 = 62$ (quyển sách)

Đáp số: 62 quyển sách

Bài 4. (0,5 điểm) Lập được bao nhiêu phân số có tổng tử số và mẫu số bằng 20. Đó là những phân số nào?

Trả lời:

Lời giải: 20 phân số

Gọi tử số là a, mẫu số là b (b khác 0)

Ta có: $a + b = 20$

Nên các cặp số (a, b) có tổng bằng 20 là:

(0, 20); (1, 19); (2, 18); (3, 17); (4, 16); (5, 15); (6, 14); (7, 13); (8, 12); (9, 11); (10, 10); (11, 9); (12, 8); (13, 7); (14, 6); (15, 5); (16, 4); (17, 3); (18, 2); (19, 1); (20, 0)

Vì mẫu số khác 0, nên cặp số (20, 0) không tạo thành phân số.

Các phân số lập được là:

$\frac{0}{20}, \frac{1}{19}, \frac{2}{18}, \frac{3}{17}, \frac{4}{16}, \frac{5}{15}, \frac{6}{14}, \frac{7}{13}, \frac{8}{12}, \frac{9}{11}, \frac{10}{10}, \frac{11}{9}, \frac{12}{8}, \frac{13}{7}, \frac{14}{6}, \frac{17}{3}, \frac{18}{2}, \frac{19}{1}$

Vậy có 20 phân số có tổng tử số và mẫu số bằng 20.

ĐỀ SỐ 5

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	186	200	B	D	3; 100	C	D	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $579\ 108 + 225\ 956$

b) $4\ 358\ 179 - 429\ 085$

c) 372×36

d) $16\ 325 : 27$

Lời giải

a) $579\ 108 + 225\ 956 = 805\ 064.$

b) $4\ 358\ 179 - 429\ 085 = 3\ 929\ 094.$

c) $372 \times 36 = 13\ 392.$

d) $16\ 325 : 27 = 604$ (dư 17).

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $1602 : 3 + 1398 : 3;$

b) $(2024 \times 99 + 2024) - (2023 \times 101 - 2023).$

Lời giải

a) $1602 : 3 + 1398 : 3$

$= (1602 + 1398) : 3$

$= 3000 : 3$

$= 1000$

b) $(2024 \times 99 + 2024) - (2023 \times 101 - 2023)$

$= 2024 \times (99 + 1) - 2023 \times (101 - 1)$

$= 2024 \times 100 - 2023 \times 100$

$= (2024 - 2023) \times 100$

$= 1 \times 100 = 100.$

Bài 3. (2,5 điểm) Vườn trường Hạnh phúc dạng hình chữ nhật có chu vi là 166m và chiều rộng kém chiều dài 13m.

a) Tính diện tích của vườn trường.

b) Trên đó người ta trồng rau cải xanh, cứ mỗi mét vuông thu hoạch được 5kg rau cải xanh.

Hỏi trên cả vườn trường đó thu hoạch được bao nhiêu tạ rau cải xanh?

Lời giải

a) Nửa chu vi của vườn trường là: $166 : 2 = 83$ (m).

Chiều dài của vườn trường là: $(83 + 13) : 2 = 48$ (m).

Chiều rộng của vườn trường là: $48 - 13 = 35$ (m).

Diện tích của vườn trường là: $48 \times 35 = 1680$ (m²).

b) Trên vườn trường đó thu hoạch được số tạ rau là:

$5 \times 1680 = 8400$ (kg) = 84 tạ.

Đáp số: a) 1680m²; b) 84 tạ.

Bài 4. (0,5 điểm) Khi nhân một số tự nhiên với 25, do lúng túng, bạn Lan đã viết nhầm thêm chữ số 3 vào bên phải thừa số 25 nên đã làm cho kết quả tăng 32 376 đơn vị. Em hãy giúp bạn tìm tích đúng của phép nhân đó.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Tích đúng của phép nhân đó là: **3550**.

(Thừa số thứ hai lúc sau khi Lan viết nhầm là: 253.

Vậy thừa số thứ hai lúc sau đã tăng thêm là: $253 - 25 = 228$ (đơn vị).

Thừa số thứ hai tăng thêm 228 đơn vị thì tích tăng thêm bằng 228 lần thừa số thứ nhất.

Mà tích tăng 32 376 đơn vị nên 228 lần thừa số thứ nhất bằng 32 376.

Thừa số thứ nhất là: $32\ 376 : 228 = 142$.

Tích đúng của phép nhân đó là: $142 \times 25 = 3550$)



on
123

ĐỀ SỐ 6

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	70 034	C	D	D	C	A	11 - 5	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $345\,982 + 72\,116$

b) $627\,302 - 120\,168$

c) $42\,219 \times 15$

d) $45\,540 : 36$

Lời giải

a) $345\,982 + 72\,116 = 418\,098$

b) $627\,302 - 120\,168 = 507\,134$

c) $42\,219 \times 15 = 633\,285$

d) $45\,540 : 36 = 1265$

Bài 2. (1,5 điểm) a) Tính bằng cách thuận tiện: $87 \times 16\,257 - 6\,256 \times 87 - 87$

b) Tìm x, biết: $17\,789 - 10 \times x = 789$

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } & 87 \times 16\,257 - 6\,256 \times 87 - 87 \\ & = 87 \times (16\,257 - 6\,256 - 1) \\ & = 87 \times 10\,000 \\ & = 870\,000 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & 17\,789 - 10 \times x = 789 \\ & 10 \times x = 17\,789 - 789 \\ & 10 \times x = 17\,000 \\ & x = 17\,000 : 10 \\ & x = 1700 \end{aligned}$$

Bài 3. (2 điểm) Lan đi bộ vòng quanh sân vận động hình chữ nhật hết 15 phút, mỗi phút đi được 36m. Biết chiều dài sân vận động hơn chiều rộng là 24m. Tính diện tích của sân vận động.

Lời giải

Chu vi sân vận động là:

$$36 \times 15 = 540 \text{ (m)}$$

Nửa chu vi của sân vận động là:

$$540 : 2 = 270 \text{ (m)}$$

Chiều rộng sân vận động là:

$$(270 - 24) : 2 = 123 \text{ (m)}$$

Chiều dài sân vận động là:

$$270 - 123 = 147 \text{ (m)}$$

Diện tích sân vận động là:

$$123 \times 147 = 18\,081 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 18 081m²

Bài 4. (0,5 điểm) Ở một bến cảng có ba con tàu A, B, C. Tàu A cứ 3 ngày cập bến 1 lần, tàu B là 4 ngày cập bến 1 lần, tàu C là 5 ngày. Nếu một hôm nào đó cả ba tàu cùng cập bến thì hỏi sau bao nhiêu ngày ba tàu lại cùng cập bến.



Trả lời:

Lời giải

Để tìm được số ngày gần nhất 3 tàu cùng cập bến. Ta tìm số nhỏ nhất mà chia hết cho 3, 4 và 5.

Các số chia hết cho 5 có chữ số hàng đơn vị bằng 0 và 5. (Ví dụ: 5, 10, 15, 20,...)

Mà các số kết thúc bằng số 5 không chia hết cho 3 và 4.

Vì vậy ta sẽ tìm các số chia hết cho 3, 4 và có chữ số hàng đơn vị là 0.

Các số chia hết cho 3 và có chữ số hàng đơn vị là 0: 30, 60.

Các số chia hết cho 4 và có chữ số hàng đơn vị là 0: 20, 40, 60

Ta thấy chỉ có số 60 là số nhỏ nhất mà chia hết cho 3, 4, 5.

Vậy sau 60 ngày 3 tàu A, B, C sẽ cùng cập bến.